TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **317/2023**/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 393/2023/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh **Lê Duy M**, sinh năm: 1976,
2. Chị **Phạm Thị Kim B,** sinh năm: 1982,

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn thuận tình ly hôn đề ngày 04/7/2023 của anh Lê Duy M và chị Phạm Thị Kim B và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 13/7/2023 của chị Phạm Thị Kim B và anh Lê Duy M, anh chị đã thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy M và chị Phạm Thị Kim B xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh M, chị B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh M và chị Kim B có 01 con chung là Lê Thị Dạ L**,** sinh ngày 28/01/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị Kim B thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày (ngày 14/7/2023), kể từ ngày lập Biên bản về việc không hòa giải được, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy M và chị Phạm Thị Kim B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh M và chị Kim B có 01 con chung là Lê Thị Dạ L**,** sinh ngày 28/01/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị Kim B thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Anh M và chị Kim B mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà anh M và chị Kim B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003932, ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh M và chị Kim B đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã T1, huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Tiến